

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2287/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu thuộc
tỉnh Tuyên Quang.*

*Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã thuộc vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn
2021 - 2025;*

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 200/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025:

a) Vốn ngân sách Trung ương giao: 601.750 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách địa phương đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho cả Chương trình theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Vốn ngân sách Trung ương giao thực hiện chương trình năm 2021 - 2022: 195.660 triệu đồng (gồm: Vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022: 127.980 triệu đồng; vốn năm 2022: 67.680 triệu đồng), cụ thể:

a) Dự phòng không quá 10% vốn đầu tư phát triển năm 2022: 6.768 triệu đồng (để thực hiện các nội dung: Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được

phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình).

b) Phân bổ vốn đầu tư phát triển theo hệ số xã, huyện: 188.892 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Lâm Bình: 14.619,0 triệu đồng.
- Huyện Na Hang: 15.932,0 triệu đồng.
- Huyện Chiêm Hóa: 34.491,0 triệu đồng.
- Huyện Hàm Yên (gồm vốn hỗ trợ theo hệ số huyện): 35.007,0 triệu đồng.
- Huyện Yên Sơn: 39.680,0 triệu đồng.
- Huyện Sơn Dương: 44.823,0 triệu đồng.
- Thành phố Tuyên Quang: 4.340,0 triệu đồng.

3. Kế hoạch phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện các năm 2023 - 2025: 406.090 triệu đồng, cụ thể:

a) Dự phòng không quá 10% vốn đầu tư phát triển: 40.609 triệu đồng (để thực hiện các nội dung: Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình).

b) Phân bổ vốn đầu tư phát triển theo hệ số xã, huyện: 365.481 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Lâm Bình: 7.614,0 triệu đồng.
- Huyện Na Hang: 10.152,0 triệu đồng.
- Huyện Chiêm Hóa: 40.608,0 triệu đồng.
- Huyện Hàm Yên (gồm vốn hỗ trợ theo hệ số huyện): 83.763,0 triệu đồng.
- Huyện Yên Sơn: 93.906,0 triệu đồng.
- Huyện Sơn Dương: 116.748,0 triệu đồng.
- Thành phố Tuyên Quang: 12.690,0 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 01, 02 kèm theo)

c) Từ năm 2023 đến 2025, kinh phí bố trí cho các huyện, thành phố sẽ

được điều chỉnh theo hệ số thực tế dựa trên kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

PHỤ LỤC 01

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH TUYÊN QUANG, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	Tổng kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2021-2025	Hệ số và kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022)		Hệ số và kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2022-2025					Ghi chú
			Hệ số vốn hỗ trợ xã	Mức hỗ trợ theo hệ số	Hệ số vốn hỗ trợ huyện/xã giai đoạn 2022-2025	Chi tiết kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư hàng năm theo hệ số				
						Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
A	B	$I=3+5+7+9+11$	2	3	4	5	7	9	11	12
	TỔNG KINH PHÍ (A+B+C)	601.750,0		127.980,0		67.680,0	135.364,0	135.363,0	135.363,0	
A	Vốn dự phòng không quá 10%/vốn giai đoạn 2022-2025	47.377,0				6.768,0	13.536,4	13.536,3	13.536,3	
B	Hỗ trợ huyện Hàm Yên theo hệ số huyện	59.229,0			20	8.460,0	16.923,6	16.922,7	16.922,7	
C	Hỗ trợ theo hệ số xã	495.144,0	287,6	127.980,0	124,0	52.452,0	104.904,0	104.904,0	104.904,0	
<i>Chi tiết kế hoạch vốn theo hệ số xã</i>										
1	Huyện Lâm Bình	22.233,0	30,0	13.350,0	3,0	1.269,0	2.538,0	2.538,0	2.538,0	
2	Huyện Na Hang	26.084,0	32,0	14.240,0	4,0	1.692,0	3.384,0	3.384,0	3.384,0	
3	Huyện Chiêm Hóa	75.099,0	62,3	27.723,0	16,0	6.768,0	13.536,0	13.536,0	13.536,0	
4	Huyện Hàm Yên	59.541,0	47,3	21.048,0	13,0	5.499,0	10.998,0	10.998,0	10.998,0	
5	Huyện Yên Sơn	133.586,0	54,0	24.029,0	37,0	15.651,0	31.302,0	31.302,0	31.302,0	
6	Huyện Sơn Dương	161.571,0	57,0	25.365,0	46,0	19.458,0	38.916,0	38.916,0	38.916,0	
7	Thành phố Tuyên Quang	17.030,0	5,0	2.225,0	5,0	2.115,0	4.230,0	4.230,0	4.230,0	

PHỤ LỤC 02

**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	Tổng kế hoạch vốn năm 2021- 2022	Kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư từng năm		Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	
A	B	I=2+3	2	3	4
TỔNG KINH PHÍ (A+B)		195.660,0	127.980,0	67.680,0	
A	Vốn dự phòng không quá 10% năm 2022	6.768,0		6.768,0	
B	Vốn hỗ trợ theo hệ số xã, huyện	188.892,0	127.980,0	60.912,0	
1	Huyện Lâm Bình (hỗ trợ theo hệ số xã)	14.619,0	13.350,0	1.269,0	
2	Huyện Na Hang (hỗ trợ theo hệ số xã)	15.932,0	14.240,0	1.692,0	
3	Huyện Chiêm Hóa (hỗ trợ theo hệ số xã)	34.491,0	27.723,0	6.768,0	
4	Huyện Hàm Yên (hỗ trợ theo hệ số xã, huyện)	35.007,0	21.048,0	13.959,0	
5	Huyện Yên Sơn (hỗ trợ theo hệ số xã)	39.680,0	24.029,0	15.651,0	
6	Huyện Sơn Dương (hỗ trợ theo hệ số xã)	44.823,0	25.365,0	19.458,0	
7	Thành phố Tuyên Quang (hỗ trợ theo hệ số xã)	4.340,0	2.225,0	2.115,0	